

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B Đ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/DS-ST
Ngày: 17/6/2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Chúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Thành và bà Thái Thị Huỳnh Trang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Dạ Thảo – chức vụ: Kiểm sát viên.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nông Văn Thắng;

Trong ngày các ngày 12 và 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2024/TLST-DS, ngày 09 tháng 12 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa ra xét xử số: 06/2025/QĐXX- ST ngày 09 tháng 5 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-DS ngày 27/5/2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Ấp Ph T, xã H Ph, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước – có mặt.

-Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị R, sinh năm: 1964

Địa chỉ : Khu phố Th B, thị trấn Th B, B Đ, Bình Phước – có mặt.

-Bị đơn: Bà Lê Thị Cẩm X, sinh năm: 2002 và ông Vũ Trương D, sinh năm: 1996; Ông D ủy quyền cho bà X tham gia tố tụng bà X có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án; ông D vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước; Bà X, ông D.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Quang Th, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Ấp Ph T, xã H Ph, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước – có mặt.

Bà Huỳnh Thị U, sinh năm: 1967 – có mặt

-Người làm chứng: Bà Lê Thị Cẩm X1, sinh năm: 1988 – vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp H Th, xã L H, huyện LN, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu khởi kiện đề ngày 22/8/2024 cùng các bản tự khai, biên bản làm việc tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị R trình bày: Vào ngày 16/12/2021 bà Lê Thị Cẩm X cùng chồng là ông Vũ Trường D; Địa chỉ: Thôn 5, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước có vay của bà Nguyễn Thị Kim T 500.000.000 đồng (năm trăm triệu), hai bên có làm giấy vay tiền đề ngày 16/12/2021. Không ghi thời hạn trả

nợ và lãi suất. Tuy nhiên hai bên có thỏa thuận miệng tính lãi suất 15%/năm. Sau đó bà X, ông D có mượn tiền tay của bà T 63.000.000 đồng (sáu mươi ba triệu). Ngoài ra cùng thời điểm đó mẹ ruột của bà X là Bà Huỳnh Thị U cũng vay riêng của bà T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu), bà U nói với bà T số tiền này đã chuyển cho con gái là bà X để trả lại cho bà T nhưng bà Lê Thị Cẩm X chiếm dụng sử dụng riêng số tiền trên. Vậy tổng cộng bà Lê Thị Cẩm X và chồng là Vũ Trường D đã vay của bà T số tiền: 663.000.000 đồng (sáu trăm sáu mươi ba triệu), vợ chồng bà X đã trả lãi từ ngày vay đến ngày 16/12/2023 từ tháng 01/2004 vợ chồng bà X không đóng lãi cho bà T. Bà T có cầm giấy CNQSDĐ của gia đình vay ngân hàng Agribank để cho bà X, ông D vay.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị R yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Cẩm X và Vũ Trường D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 663.000.000 đồng (sáu trăm sáu mươi ba triệu) và tiền lãi theo lãi suất của ngân hàng Agribank là 69.615.000 đồng. Tổng cộng: 732.615.000 đồng (bảy trăm ba mươi hai triệu sáu trăm mười lăm nghìn).

Ngày 10/3/2025 bà Nguyễn Thị Kim T có đơn khởi kiện bổ sung nội dung yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngày 16/12/2021 bà X, ông D vay của bà T số tiền 500.000.000 đồng; Lần thứ hai vay 50.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ số tài khoản của anh Lê Quang Th vào tài khoản của bà Lê Thị Cẩm X ngày 05/10/2023. Nay bà T yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Cẩm X và ông Vũ Trường D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc 550.000.000 đồng và tiền lãi suất 15% = 255.000.000 đồng. Tổng cộng: 875.000.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm triệu).

Bị đơn bà Lê Thị Cẩm X và ông Vũ Trường D trình bày: Vào ngày 16/12/2021 vợ chồng bà X, ông D có vay của bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu). Hai bên thỏa thuận lãi suất theo ngân hàng và khi nào bà X, ông D làm ăn có tiền sẽ trả lại cho bà T. Do điều kiện làm ăn thua lỗ, gia đình gặp khó khăn nên vợ chồng bà X, ông D chưa có tiền trả cho bà T. Nay bà T yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T, ông D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền 550.000.000 đồng và tiền lãi suất 15% = 255.000.000 đồng. Tổng cộng: 875.000.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm triệu) bà X, ông D không đồng ý, vì bà X, ông D chỉ vay bà T 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu); Ngoài ra bà X, ông D không vay bà T khoản nợ nào khác. Riêng số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu) bà X cho rằng số tiền này anh Thế chuyển vào tài khoản của bà X số tiền 50.000.000 đồng để chuyển cho người khác, bà T, ông D sẽ cung cấp chứng cứ chứng minh để nộp cho Tòa án vì số tiền này không liên quan gì đến bà X, ông D nên bà không đồng ý trả mà chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu) theo giấy vay nợ đề ngày 16/12/2021 và lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng là 15%/ năm. Do vợ chồng bà làm ăn khó khăn hiện nay công việc chưa ổn định thu nhập thấp nên bà có yêu cầu trả bà T thành nhiều lần cụ thể mỗi tháng trả 2.000.000 đồng (hai triệu) cho đến khi trả hết số nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Huỳnh Thị U trình bày: Vào khoảng thời gian đầu tháng 10/2023 Bà Huỳnh Thị U có điện thoại vay bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu). Do bà U ở xa không đi lấy tiền được và cũng không có số tài khoản nên nhờ bà T chuyển vào tài khoản cho bà Xuyến (con gái bà U) số tiền trên đồng thời bà X chuyển nhờ vào số tài khoản của tiệm vàng B Tr ở chợ Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước sau đó Bà Lê Thị Cẩm X1 (con gái ruột bà U) đã ra tiệm vàng B Tr

nhận số tiền trên và giao cho bà U. Bà U thừa nhận đã nhận được số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu) do bà X1 đưa. Đến nay bà vẫn chưa có điều kiện trả cho bà T.

Nay bà Nguyễn Thị Kim T có đơn yêu cầu khởi kiện bà Lê Thị Cẩm X và ông Vũ Trường D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà X, ông D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền gốc 550.000.000 đồng trong đó có 50.000.000 đồng của bà U vay của bà T và lãi suất kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử là 255.000.000 đồng tổng cộng 805.000.000 đồng bà không đồng ý. Vì số tiền 50.000.000 đồng bà U vay của bà T thì bà U có nghĩa vụ trả bà T không liên quan gì đến vợ chồng bà X, ông D.

Người làm chứng: Bà Lê Thị Cẩm X1 trình bày: Ngày 05/10/2023 mẹ ruột bà X1 là Bà Huỳnh Thị U có vay của bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 50.000.000 đồng. Do bà U ở xa không đến nhà bà T nhận tiền trực tiếp từ bà T được nên bà U có nhờ bà T chuyển khoản số tiền trên từ số tài khoản của anh Lê Quang Th (con ruột bà T) sang số tài khoản của bà Lê Thị Cẩm X (con ruột bà U) và bà U không có số tài khoản nên bà U nhờ bà X chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng và số tài khoản của tiệm vàng B Tr ở chợ Lộc Hiệp, bà X1 đã đến tiệm vàng B Tr nhận số tiền 50.000.000 đồng do bà X chuyển khoản và bà X1 đã giao lại cho bà U, bà X1 cho biết số tiền này bà U chưa trả cho bà T.

Anh Lê Quang Th trình bày: Anh Th thừa nhận vào tối ngày 05/10/2023 bà T có nhờ anh chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu) cho bà Lê Thị Cẩm X

Ngoài ra anh không biết và không chứng kiến gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thoả thuận được nội dung vụ án.

Tại phiên tòa:

-Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu) đối với bị đơn bà Lê Thị Cẩm X và ông Vũ Trường D vì số tiền trên bà T cho bà U vay. Vì vậy bà T chỉ yêu cầu bà Lê Thị Cẩm X và ông Vũ Trường D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày vay là ngày 16/12/2021 đến ngày xét xử là ngày 17/6/2025 là 255.000.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 755.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi lăm triệu).

Bị đơn bà Lê Thị Cẩm X đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Trường D không đồng ý mà chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi suất 15%/năm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Các đương sự không trình bày gì thêm.

+ Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm nào.

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu) và lãi suất 15%/năm đòi với bị đơn bà Lê Thị Cẩm X và ông Vũ Trương Dang từ ngày 17/12/2023 đến ngày tòa tuyên án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu bà X, ông D phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu) và lãi suất 8.000.000 đồng. Tổng cộng 58.000.000 đồng. Ngày 13/6/2025 và tại phiên tòa nguyên đơn đã có yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Đề nghị HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu này của bà nguyên đơn Nguyễn Thị Kim T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T thuộc trường hợp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn có địa chỉ cư trú tại Thôn 5, xã Th H, huyện B Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B Đ được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Người làm chứng Bà Lê Thị Cẩm X1 vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, đến lần thứ hai vẫn vắng mặt, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Xương theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T:

Theo giấy vay tiền đề ngày 16/12/2021, bà X và ông D có vay của bà T số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn và lãi suất không thể hiện.

Quá trình giải quyết vụ án, bà X, ông D thừa nhận khoản vay này là đúng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 điều 92 BLTTDS.

Trước khi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà X, ông D trả nợ nguyên đơn đã có thông báo đòi nợ ngày 23/7/2024 (theo ngày báo phát EV832521013VN ngày 24/7/2024).

Như vậy việc khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà X, ông D trả nợ của bà T là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Xét lời trình bày của bị đơn đối với số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất bà T cho bà U mượn và nhờ ông Thế chuyển khoản vào số tài khoản của bà X bà X không đồng ý trả. Vì số tiền này bà U mượn bà T không liên quan đến vợ chồng bà X, ông D.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà U trình bày: Số tiền 50.000.000 đồng chuyển từ số tài khoản của ông Lê Quang Th vào số tài khoản của bà Lê Thị Cẩm X là

bà T cho bà U vay không liên quan đến bà X. Vì vậy bà U đồng ý trả bà T khi bà T có đơn yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T, người làm chứng anh Lê Quang Th, bị đơn bà Lê Thị Cẩm X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Huỳnh Thị U thống nhất số tiền 50.000.000 đồng trên là bà T cho bà U mượn và nhờ anh Thế chuyển khoản vào số tài khoản cho bà X con gái ruột bà U nhận giữ.

Từ những lý lẽ nêu trên: HĐXX không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu bà Lê Thị Cẩm X và ông Vũ Trường D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

Ngày 13/6/2025 và phiên tòa nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 50.000.000 đồng bà T cho bà U mượn và nhờ ông Thế chuyển khoản vào số tài khoản của bà X và tiền lãi là 8.000.000 đồng. Tổng cộng: 58.000.000 đồng. HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu này của bà T là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn yêu cầu bà X, ông D phải trả lãi suất cho bà T đối với số tiền: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu) là 15%/năm kể từ ngày vay (ngày 16/12/2021) đến thời điểm xét xử là 17/6/2025 là không có căn cứ chấp nhận bởi lẽ: Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2024; Thông báo đòi nợ (tiền gốc và tiền lãi) đề ngày 23/7/2024 của bà Nguyễn Thị Kim T đều thừa nhận bà X, ông D đã trả lãi cho bà T từ ngày 16/12/2021 đến ngày 16/12/2023. Từ những nhận định trên HĐXX xét thấy: Chỉ chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi suất của bà T với số tiền: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu) là 15%/năm kể từ ngày 17/12/2023 đến thời điểm xét xử là ngày 17/6/2025 là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Trường D bà Lê Thị Cẩm X đồng ý trả cho bà T số tiền gốc 500.000.000 đồng và lãi suất 15%/năm theo phương thức trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu) cho đến khi trả hết số nợ là không có căn cứ bởi lẽ: Khi bà X và bà T làm giấy vay nợ hai bên không có thỏa thuận này.

Xét đây là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn có thỏa thuận về lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào và phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý.

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định về Lãi suất

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

Tiền lãi suất được tính cụ thể như sau:

- Số nợ gốc 500.000.000 đồng (năm trăm triệu) vay ngày 16/12/2021 đã trả lãi đến ngày 16/12/2023: Thời gian tính lãi được tính từ ngày 17/12/2023 đến thời điểm xét xử là 17/6/2025 là: 18 tháng x 15%/năm x 500.000.000 đồng = 1.25% tháng = 6.250.000 đồng x 18 tháng = 112.500.000 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 612.500.000 đồng (sáu trăm mười hai triệu năm trăm nghìn). Hội đồng xét xử cần buộc ông Vũ Trường D và bà Lê Thị Cẩm X phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 612.500.000 đồng (sáu trăm mười hai triệu năm trăm nghìn), trong đó: 500.000.000 đồng tiền gốc và 112.500.000 đồng tiền lãi là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không đề cập tới tiền lãi phát sinh sau ngày tuyên án, tuy nhiên tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có quy định: *“Khi giải quyết vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, cùng với việc quyết định khoản tiền mà bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án thì Tòa án phải quyết định trong bản án hoặc quyết định (Phần quyết định) như sau:*

a) Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với uyq định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015”. Do các bên không thỏa thuận mức lãi suất nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải tuyên rõ nội dung này theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim T được chấp nhận một phần (612.000.000đ) nên bị đơn bà Lê Thị Cẩm X và ông Vũ Trường D phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 20.000.000 đồng và 4% giá trị tài sản vượt quá 400.000.000 đồng là 212.500.000 đồng x 4% = 10.625.000 đồng. Tổng cộng: 30.625.000 đồng (ba mươi triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn).

Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí đối với yêu cầu Tòa án không chấp nhận cụ thể: 262.500.000 đồng x 5% = 13.125.000 đồng (mười ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 16.652.000 bà T đã nộp Chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ, Bình Phước theo biên lai thu tiền số 007211 ngày 05/12/2025.

Chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ, Bình Phước trả lại bà T 3.527.000 đồng (ba triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn) theo biên lai thu tiền trên.

Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều 463, 466, 469 khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Lê Thị Cẩm X và ông Vũ Trường D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Lê Thị Cẩm X và ông Vũ Trường D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 612.500.000 đồng (sáu trăm mười hai triệu năm trăm nghìn).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa bà Nguyễn Thị Kim T và bị đơn Lê Thị Cẩm X và ông Vũ Trường D về việc bà T yêu cầu bị đơn Lê Thị Cẩm X và ông Vũ Trường D phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 8.000.000 đồng. Tổng cộng: 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu)

3. Về án phí: bà Lê Thị Cẩm X và ông Vũ Trường D phải có nghĩa vụ liên đới chịu 30.625.000 đồng (ba mươi triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn).

- Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu: 13.125.000 đồng (mười ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 16.652.000 bà T đã nộp Chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ, Bình Phước theo biên lai thu tiền số 007211 ngày 05/12/2025.

Chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ, Bình Phước trả lại bà T 3.527.000 đồng (ba triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn) theo biên lai thu tiền trên.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Kim T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà X, ông D còn phải trả cho bà T tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn; Đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt tại phiên tòa vắng mặt khi tuyên án, bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B Đ;
- Chi cục THADS huyện B Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lâm Thị Chức